Bộ giảm thanh tiết lưu VFFK



Đặc trưng

Tổng quan

Các van tiết lưu khí thải được vặn vào các lỗ xả của van điều khiển hoặc bộ truyền động. Chúng cho phép điều chỉnh tốc độ piston của xy lanh hoặc bộ truyền động xoay bằng cách điều chỉnh cửa thoát khí.
Cửa thoát khí có thể được hạn chế bằng cách sử dụng bộ phận điều chỉnh. Khí thải thoát ra ngoài qua bộ giảm âm tích hợp với tiếng ồn giảm.

- Với bộ giảm thanh polime

Biểu đồ liên kết online



Các sơ đồ hiển thị trong tài liệu này cũng có sẵn trực tuyến. Ở đó nó có thể hiển thị các giá trị chính xác.

Mã mẫu

001	Dòng	
VFFK	Tiết lưu/Giảm âm VFFK	

002	Thiết kế	
C	Nội tuyến	

003	Phần tử điều chỉnh	
K	Vít xoắn	

004	Cổng nối khí nén 1	
M5	M5	
M7	M7	
R14	R1/4	
R18	R1/8	

005	Đặc điểm bổ sung	
P	Bộ giảm âm polime	

Bảng dữ liệu

Dữ liệu kỹ thuật chung



Cổng nối khí nén 1	M5	M7	R1/8	R1/4
Chức năng van	Chức năng áp suất âm thanh tiết lưu			
Phần tử điều chỉnh	Vít xoắn			
Kiểu gắn	vặn được			
Vị trí lắp đặt	bất kì			
Loại đệm kín trên ngõng vặn vít	Vòng phớt		Lớp bọc	
Mô-men xoắn thắt chặt danh nghĩa	1,4	3,8	–	
Khả năng chịu được mômen siết danh nghĩa	± 20%		–	
Lưu lượng bình thường 0,6->0 MPa (6->0 bar, 87->0 psi)	0 ... 80 l/ph	0 ... 100 l/ph	0 ... 270 l/ph	0 ... 420 l/ph

Các điều kiện vận hành và môi trường

Áp suất vận hành	0 ... 10 bar
Áp suất vận hành của khoảng nhiệt độ hoàn chỉnh	0 ... 10 bar
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 ... 60°C
Nhiệt độ trung bình	0 ... 60°C
Lớp chống ăn mòn KBK[1)]	1 - ứng suất ăn mòn thấp

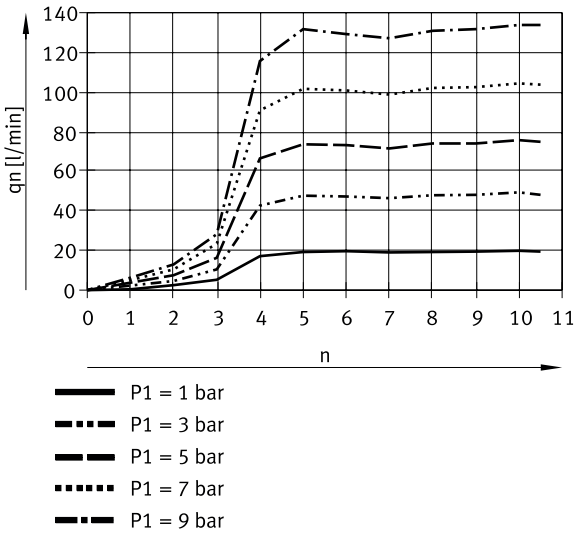
1) Thông tin thêm www.festo.com/x/topic/kbk

Vật liệu

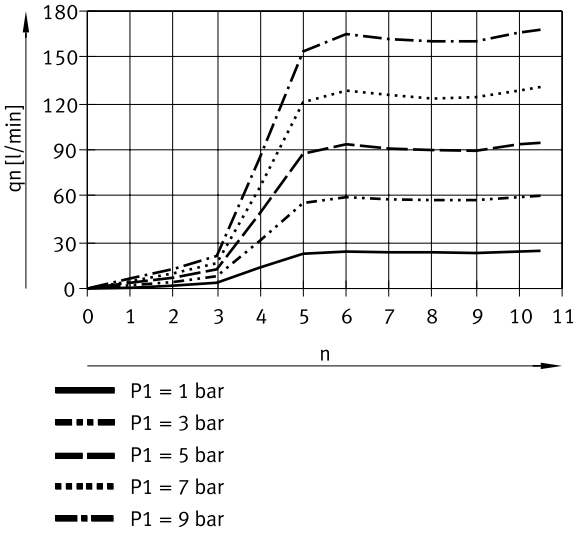
Vật liệu bộ giảm chấn	PE
Vật liệu ngõng vặn vít	Đồng thau mạ niken
Vít điều chỉnh vật liệu	Đồng thau mạ niken
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L

Bảng dữ liệu

Lưu lượng bình thường qn [l/phút] tùy thuộc vào số vòng quay của trục chính n (VFFK-C-K-M5-P)

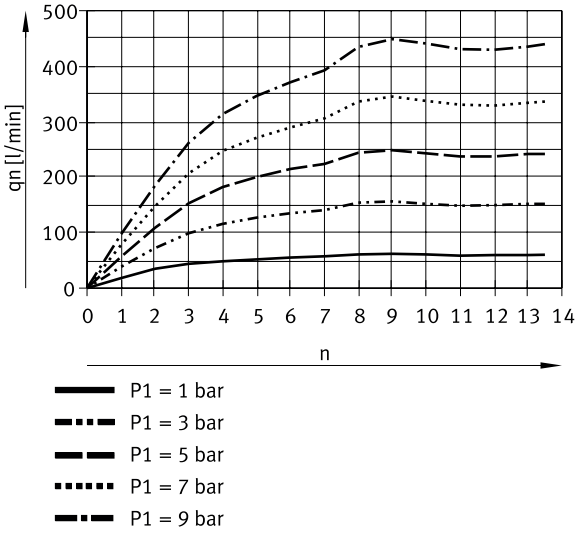


Lưu lượng bình thường qn [l/phút] tùy thuộc vào số vòng quay của trục chính n (VFFK-C-K-M7-P)

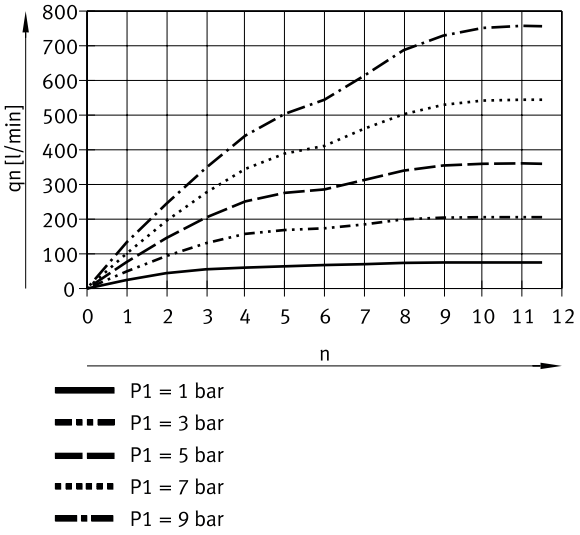


Bảng dữ liệu

Lưu lượng bình thường qn [l/phút] tùy thuộc vào số vòng quay của trục chính n (VFFK-C-K-R18-P)

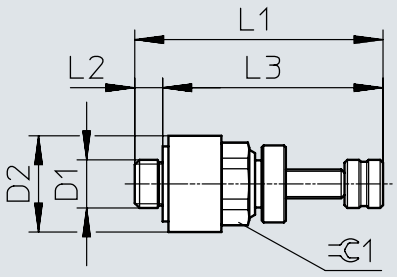


Lưu lượng bình thường qn [l/phút] tùy thuộc vào số vòng quay của trục chính n (VFFK-C-K-R14-P)



Kích thước

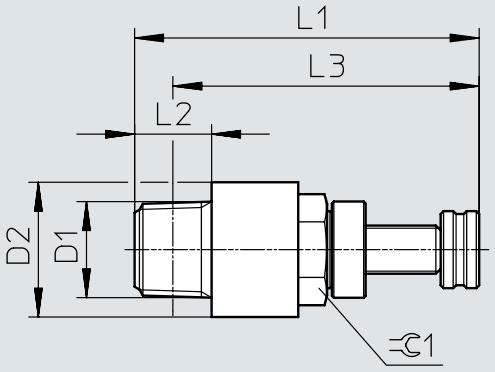
Kích thước – VFFK-CKM...-P Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



	D1	D2	L1		L2	L3		⊂1
		ø	min.	max.		min.	max.	
VFFK-C-K-M5-P	M5x0.8	10	20,6	23,4	3	17,6	20,4	8
VFFK-C-K-M7-P	M7x1	10	24,1	26,9	5,5	18,6	21,4	8

Kích thước

Kích thước – VFFK-CKR...-P Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



	D1	D2	L1		L2	L3		⊂1
		ø	min.	max.		min.	max.	
VFFK-C-K-R18-P	R1/8	14	29,1	35,8	8	25,1	31,8	10
VFFK-C-K-R14-P	R1/4	18	31,1	37	10,8	25,1	31	14

Thông tin đặt hàng

Thông tin đặt hàng



Cổng nối khí nén 1	Lưu lượng bình thường 0,6->0 MPa (6->0 bar, 87->0 psi)	trọng lượng sản phẩm	Số bộ phận	Loại
M5	0 ... 80 l/ph	4,3 g	**133140**	**VFFK-C-K-M5-P**
M7	0 ... 100 l/ph	5,8 g	**133141**	**VFFK-C-K-M7-P**
R1/8	0 ... 270 l/ph	13,5 g	**133142**	**VFFK-C-K-R18-P**
R1/4	0 ... 420 l/ph	25 g	**133143**	**VFFK-C-K-R14-P**